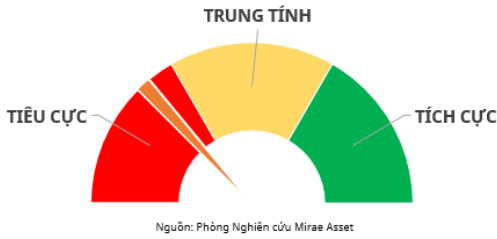


Thang đo sức mạnh thị trường



03 Tháng Mười Hai 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,443.32	-3.33	-0.07	41.53
HNX	449.27	-2.04	8.07	195.59
UPCOM	112.11	-1.95	4.79	62.43
MSCI EM	1,236.19	1.07	-2.08	-0.26
NIKKEI	28,029.57	-2.51	-5.05	4.55
HANG SENG	23,766.69	-1.30	-5.03	-11.08
KOSPI	2,968.33	1.09	-0.25	10.09
FTSE	7,161.78	1.67	-1.20	10.35
S&P 500	4,577.10	-2.65	-1.79	24.83
NASDAQ	15,381.32	-2.93	-2.72	24.27

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.10	2.70	15.83
SET INDEX	19.11	1.72	7.81
JCI INDEX	25.24	2.18	7.65
PCOMP INDEX	23.23	1.73	7.69

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	0.79	0	-3	-39
10 năm	2.09	0	-6	-33

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,793	-0.52	-0.22	1.45
US\$/KRW	1,180	1.14	0.14	-7.03
US\$/JPY	113	-0.04	0.52	-8.45
US\$/EUR	0.89	0.26	2.84	7.59
US\$/GBP	0.75	0.47	3.11	1.35
US\$/SGD	1.37	0.05	-1.70	-2.67

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,341	1,312	826
HNX	199	175	120
UPCOM	117	118	62



Nhận định thị trường

Lo ngại trước thông tin về biến chủng Omicron, VN-Index có tuần giảm mạnh nhất trong 3 tháng

Sau tuần lạc quan hướng về 1.500, tuần 29/11 - 03/12 nhà đầu tư chứng khoán trên toàn cầu đã đón nhận thông tin về biến chủng Covid-19 mới với tên gọi Omicron. NĐT đã tỏ ra lo ngại dẫn đến việc bán tháo cổ phiếu đồng loạt, thị trường Việt Nam cũng không nằm ngoài diễn biến trên. Trong tuần, VN-Index có 4/5 phiên giảm điểm, trong đó phiên cuối tuần giảm mạnh 35,73 điểm (-2,61%) khiến NĐT khá bất ngờ khi kỳ vọng thị trường Việt Nam sẽ có phiên hồi phục cùng thế giới. Chốt tuần VN-Index ghi nhận mức giảm 49,71 điểm (-3,33%) so với tuần trước, chốt tuần tại 1.443,32.

Ngân hàng sau tuần tăng mạnh đã rơi vào nhịp điều chỉnh, các cổ phiếu nhóm này chiếm đến 6/10 vị trí trong nhóm các cổ phiếu kéo giảm VN-Index, nhóm này đã làm chỉ số giảm 21,7 điểm. Chiều ảnh hưởng tích cực đáng chú ý khi có VIC tăng 7,1% giúp chỉ số tăng 6,9 điểm.

Khối ngoại bán ròng liên tục 5 phiên với tổng giá trị bán ròng đạt hơn 3.400 tỷ đồng. MSN, HPG và DXG là 3 mã bị bán ròng mạnh nhất với giá trị lần lượt đạt 356 tỷ đồng, 321 tỷ đồng và 295 tỷ đồng. Chiều mua ròng, các mã được mua mạnh nhất lần lượt là CTG (242 tỷ đồng), VND (122 tỷ đồng) và STB (117 tỷ đồng).

Diễn biến tăng tốc của VN-Index đến từ sự trở dậy của nhóm cổ phiếu Ngân hàng, cùng với những thông tin lạc quan về khả năng nâng room tín dụng, bơm thêm tiền cho nền kinh tế. Vượt ngưỡng 1.500, chỉ số sẽ có những nhịp rung lắc, tích lũy trước khi tiếp tục diễn biến tăng điểm. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **-5 (TIÊU CỰC)**. P/E của VN-Index hiện đang ở mức 17,10.

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, phuong.pb@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-5	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-4	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-5	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	7	KHẢ QUAN
Kospi	2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-4	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thị trường trái phiếu:

- Trong tuần, KBNN đã huy động thành công 9.500 tỷ đồng, đạt 90,5% tổng lượng phát hành, tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu tăng lên 2,6 lần từ mức 2,4 lần của tuần trước. Cụ thể, kỳ hạn 10 năm phát hành thành công toàn bộ 2.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,08% (+1bps); Kỳ hạn 15 năm phát hành thành công toàn bộ 4.500 tỷ đồng bao gồm phát hành lần đầu và bổ sung tại mức lợi suất 2,36% (+2bps); Kỳ hạn 30 năm phát hành thành công toàn bộ 3.000 tỷ đồng bao gồm phát hành lần đầu và bổ sung, lợi suất phát hành đạt 2,98% (+0bps). Hai kỳ hạn 5 năm và 7 năm thất bại hoàn toàn khi không có người mua
- Tuần sau vào ngày 08/12 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 7.000 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 5 năm có giá trị 500 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.500 tỷ đồng; (4) Kỳ hạn 20 năm có giá trị 2.500 tỷ đồng và (5) Kỳ hạn 30 năm với giá trị 2.000 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Trong tuần 24/11 – 01/12, kỳ hạn O/N ghi nhận mức tăng 1bps lên mức 0,65%, trong khi kỳ hạn 1 tuần và 2 tuần ghi nhận các mức tăng mạnh hơn, lần lượt +2bps và +4bps. Các kỳ hạn dài hơn như 3 tháng và 6 tháng ghi nhận các mức tăng mạnh, lần lượt +50bps và +106bps lên các mức 2,23% và 2,56%. Trong khi đó kỳ hạn 1 tháng giảm 17bps về mức 1,16%.
- Tỷ giá VND/USD tại ngày 03/12/21 của NHNN đã giảm 0,078% so với cuối tuần trước, về mức 23.127 VND/USD. Tỷ giá NHTM tăng 0,466% ở chiều mua và 0,461% ở chiều bán lên các mức 22.650 – 22.880 VND/USD. Trong khi đó, tỷ giá tự do cũng tăng cả chiều mua lẫn bán lên mức 23.480 – 23.515, mức tăng tương ứng 0,342% và 0,363%.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-5	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-4	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-5	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (26/11/2021)	1,443.32	Kháng cự 1	1.500
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Giảm	Kháng cự 2	1.550
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	1.430
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 2	1.400

Áp lực bán sau khi VN-Index vượt 1.500 cùng với lo ngại về biến chứng covid mới đã khiến VN-Index rơi vào diễn biến điều chỉnh. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của chỉ số là 1.430 và thấp hơn là 1.400. Xu hướng ngắn hạn của VN-Index rơi về trạng thái giảm điểm với điểm số kỹ thuật ngắn hạn ở mức **-5 (TIÊU CỰC)**.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

Nhận định phái sinh

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (03/12/2021)	1,509	Kháng cự 1	1.530
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.550
VN30 - đóng cửa	1.504	Hỗ trợ 1	1.500
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+5,02	Hỗ trợ 2	1.480

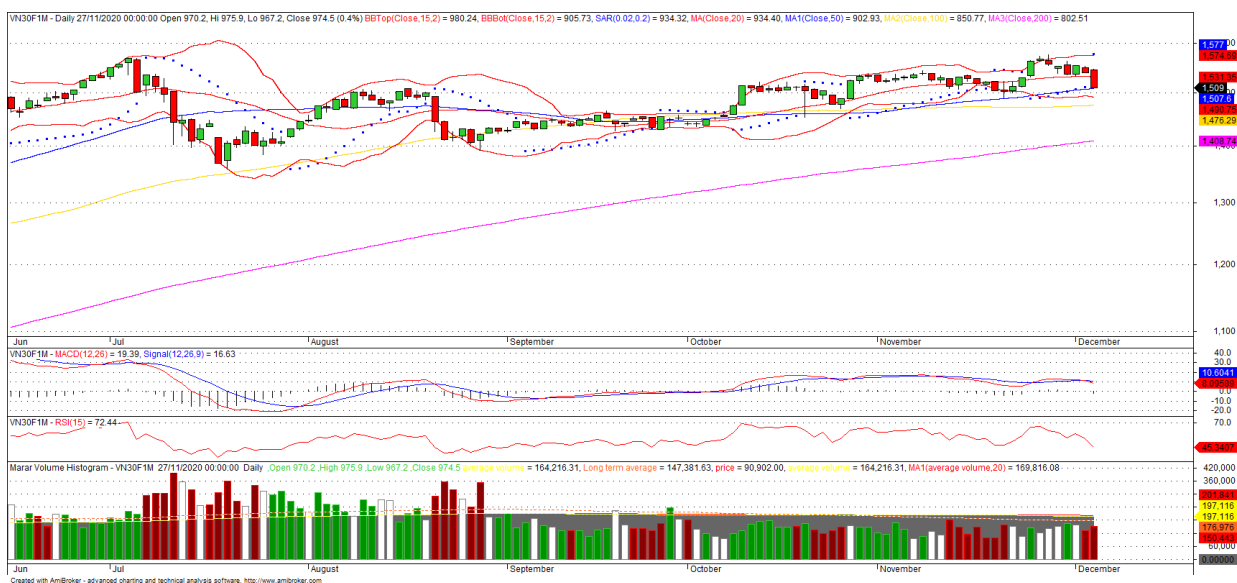
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	-4	TIÊU CỰC

VN30F1M đóng cửa tuần ở mức thấp nhất trong tuần ở quanh ngưỡng hỗ trợ mạnh MA 50 ngày tương ứng với mức giá 1,507 điểm và tiệm cận về với ngưỡng tâm lý mạnh của thị trường ở ngưỡng 1,500 điểm.

Với diễn biến đóng cửa vẫn giữ trên được các ngưỡng hỗ trợ mạnh quan trọng, chúng tôi kỳ vọng VN30F1M sẽ đi ngang và tích lũy quanh ngưỡng hỗ trợ và sẽ phục hồi lại trong tuần tới. Vì vậy chúng tôi khuyến nghị, nhà đầu tư chấp nhận rủi ro thấp và trung bình có thể đứng ngoài theo dõi tiếp các biến động mạnh của thị trường. Còn đối với nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao có thể mở vị thế LONG (MUA) tại quanh ngưỡng hỗ trợ mạnh để chờ xu hướng phục hồi:

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	+ Long	1,500
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	+ Stop loss (Cắt lỗ)	1,492
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	+ Take profit (Chốt lời)	1,550

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ - MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
FRT	Bán lẻ	62,000	1,345,490	75	4	
FCN	Xây dựng	21,500	6,839,375	89	4	Top sức mạnh ngành

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
AAA	16.9	7,743,430	-2	TRUNG TÍNH	5,517	16.0	1.2	131
ACB	32.55	6,002,350	-7	TIÊU CỰC	87,948	9.0	2.1	195
AGR	25.25	4,043,015	-2	TRUNG TÍNH	5,353	16.0	2.3	102
APS	46	3,300,950	-7	TIÊU CỰC	3,588	10.8	3.9	152
ART	14.4	7,340,755	-4	TIÊU CỰC	1,396	147.8	1.2	106
ASM	20.3	5,806,255	-7	TIÊU CỰC	5,255	9.2	1.1	118
BCG	28.7	5,384,135	0	TRUNG TÍNH	8,539	8.1	2.4	155
BID	42	2,664,735	-7	TIÊU CỰC	168,925	17.1	2.0	112
BSR	20.8	12,862,190	-4	TIÊU CỰC	64,490	#N/A N/A	2.1	268
CEO	43.5	8,424,105	-2	TRUNG TÍNH	11,194	#N/A N/A	4.0	366
CII	27	9,412,090	-4	TIÊU CỰC	6,452	2,280.1	1.4	254
CTG	33	13,057,240	-4	TIÊU CỰC	158,590	9.6	1.7	431
CTS	40.85	2,231,935	-5	TIÊU CỰC	4,346	14.6	2.7	91
DBC	74.9	2,880,475	0	TRUNG TÍNH	8,631	8.8	1.8	216
DCM	37.5	7,968,030	0	TRUNG TÍNH	19,853	22.0	3.0	299
DGC	158.5	1,730,895	-5	TIÊU CỰC	27,116	21.8	5.5	274
DGW	123.6	768,745	-5	TIÊU CỰC	10,926	25.0	7.5	95
DIG	65	7,403,430	-4	TIÊU CỰC	32,493	37.0	5.5	481
DPG	84.9	1,196,540	-5	TIÊU CỰC	5,349	14.2	4.3	102
DPM	47.8	5,799,360	-4	TIÊU CỰC	18,706	11.9	2.1	277
DRC	34.2	2,640,490	-6	TIÊU CỰC	4,063	13.0	2.3	90
DXG	31.1	15,230,945	0	TRUNG TÍNH	18,536	23.9	2.2	474
FCN	21.5	6,839,375	4	KHẢ QUAN	2,697	22.9	1.2	147
FIT	13.8	9,932,985	-6	TIÊU CỰC	3,626	23.9	1.1	137
FLC	14.6	29,715,756	-5	TIÊU CỰC	10,366	6.8	1.1	434
FPT	95.5	2,104,725	-6	TIÊU CỰC	86,663	21.5	5.1	201
FRT	62	1,345,490	4	KHẢ QUAN	4,897	42.8	3.7	83
GAS	96.6	1,349,320	-7	TIÊU CỰC	184,888	22.6	3.8	130
GEX	40.95	19,006,956	-2	TRUNG TÍNH	34,869	25.8	3.0	778
GMD	49	3,640,895	-6	TIÊU CỰC	14,768	34.0	2.5	178
GVR	36.5	4,147,315	-4	TIÊU CỰC	146,000	29.3	3.0	151
HAG	8.8	31,469,216	4	KHẢ QUAN	8,161	#N/A N/A	1.7	277
HAH	68.6	1,654,890	-6	TIÊU CỰC	3,346	11.8	2.6	114

HBC	24	11,336,080	-2	TRUNG TÍNH	5,818	57.3	1.6	272
HCM	44.5	6,521,495	-5	TIÊU CỰC	20,362	16.8	3.5	290
HDB	31	8,265,845	-2	TRUNG TÍNH	61,758	11.0	2.2	256
HDG	72.4	1,326,890	4	KHẢ QUAN	11,847	15.0	3.1	96
HHS	11.15	7,425,750	-4	TIÊU CỰC	3,063	17.2	0.8	83
HHV	24.7	12,852,230	0	TRUNG TÍNH	6,604	42.3	1.1	317
HNG	8.6	11,629,075	-2	TRUNG TÍNH	9,534	169.3	1.4	100
HPG	47.7	28,903,700	-7	TIÊU CỰC	213,358	6.7	2.5	1,379
HQC	6.7	25,500,440	4	KHẢ QUAN	3,193	758.2	0.7	171
HSG	37.5	8,413,290	-2	TRUNG TÍNH	18,506	4.3	1.7	315
HT1	25.5	4,025,855	-2	TRUNG TÍNH	9,729	21.0	1.7	103
IDC	77.3	3,142,960	-4	TIÊU CỰC	23,190	42.6	5.7	243
IDI	19.05	6,416,275	-4	TIÊU CỰC	4,337	52.5	1.5	122
IJC	29.5	6,609,510	-6	TIÊU CỰC	6,404	8.6	2.0	195
ITA	13	25,316,044	2	TRUNG TÍNH	12,198	73.9	1.1	329
KBC	51.1	10,724,795	0	TRUNG TÍNH	29,115	30.0	1.9	548
KDC	56.2	2,298,915	-7	TIÊU CỰC	14,141	27.6	2.4	129
KDH	46.05	2,251,645	-2	TRUNG TÍNH	29,607	24.8	3.0	104
LCG	21	6,430,060	2	TRUNG TÍNH	3,664	10.4	1.6	135
LDG	13	15,036,460	-4	TIÊU CỰC	3,113	102.4	1.0	195
LPB	21.55	14,496,195	-7	TIÊU CỰC	25,937	9.4	1.6	312
MBB	28.3	15,084,440	-4	TIÊU CỰC	106,927	9.6	1.9	427
MBS	38.5	2,530,310	-7	TIÊU CỰC	10,302	17.3	3.2	97
MSN	151	1,323,250	-4	TIÊU CỰC	178,261	74.3	8.3	200
MWG	133.5	1,515,595	-7	TIÊU CỰC	95,163	21.8	5.1	202
NDN	21.1	4,612,770	-7	TIÊU CỰC	1,512	5.2	1.5	97
NKG	41.2	7,429,815	-2	TRUNG TÍNH	8,998	4.4	1.7	306
NLG	56.8	5,523,320	0	TRUNG TÍNH	21,679	13.1	2.5	314
NVL	111	3,189,650	2	TRUNG TÍNH	163,570	46.7	4.8	354
ORS	28.25	5,841,365	-7	TIÊU CỰC	5,650	#N/A N/A	2.6	165
PAN	39	9,030,155	-2	TRUNG TÍNH	8,147	38.4	2.2	352
PDR	94.9	4,238,130	6	KHẢ QUAN	46,764	29.3	7.5	402
PLX	53.3	2,981,145	-5	TIÊU CỰC	67,723	20.1	2.8	159
POW	13.55	21,031,400	0	TRUNG TÍNH	31,732	10.9	1.1	285
PVD	26	7,815,900	-6	TIÊU CỰC	10,949	287.6	0.8	203
PVS	25	9,924,995	-4	TIÊU CỰC	11,949	21.1	1.0	248
PVT	23.1	4,278,605	-6	TIÊU CỰC	7,476	9.5	1.5	99
QNS	52	1,709,200	-7	TIÊU CỰC	18,561	15.0	2.4	89
ROS	7.6	26,173,990	5	KHẢ QUAN	4,575	25.0	0.8	199
SBS	18	9,518,420	-5	TIÊU CỰC	2,280	1,984.6	11.0	171
SBT	23.65	8,039,700	-7	TIÊU CỰC	14,879	22.2	1.8	190
SCR	19.45	13,675,480	0	TRUNG TÍNH	7,126	25.3	1.5	266
SHB	23	15,828,940	-7	TIÊU CỰC	61,338	12.5	1.9	364
SHS	47.7	10,538,335	-5	TIÊU CỰC	15,515	11.7	3.4	503
SSI	50.5	26,089,196	-2	TRUNG TÍNH	49,609	23.3	3.7	1,318
STB	28	24,275,206	-4	TIÊU CỰC	52,786	15.0	1.6	680
TCB	50.2	19,515,060	-7	TIÊU CỰC	176,248	10.1	2.0	980
TCH	22.35	13,070,445	-5	TIÊU CỰC	13,828	17.1	1.4	292

TPB	47	4,052,780	4	KHẢ QUAN	55,069	10.6	2.2	190
TSC	17.05	7,065,605	2	TRUNG TÍNH	2,517	22.3	1.5	120
TTF	11.1	10,616,700	-2	TRUNG TÍNH	3,454	#N/A N/A	#N/A N/A	118
TVB	25.2	3,248,280	-7	TIÊU CỰC	2,689	8.4	2.2	82
TVC	20.9	4,705,160	-7	TIÊU CỰC	2,165	3.9	1.5	98
VCB	98	932,925	-6	TIÊU CỰC	363,470	17.2	3.3	91
VCG	47	4,154,375	0	TRUNG TÍNH	20,615	36.2	3.1	195
VCI	73.3	5,098,710	-4	TIÊU CỰC	24,409	17.6	3.9	374
VGC	51	1,983,070	-2	TRUNG TÍNH	22,866	24.0	3.5	101
VGT	25.3	5,754,180	-2	TRUNG TÍNH	12,650	44.4	2.0	146
VHM	80.2	7,080,425	-5	TIÊU CỰC	349,220	9.7	4.0	568
VIB	42.4	3,148,820	-2	TRUNG TÍNH	65,853	11.8	3.0	134
VIC	105.5	3,209,670	4	KHẢ QUAN	401,450	84.5	4.0	339
VIX	33.6	10,173,685	-2	TRUNG TÍNH	9,213	10.1	3.1	342
VJC	120.4	877,915	-2	TRUNG TÍNH	65,210	432.1	3.8	106
VND	73	8,276,475	-5	TIÊU CỰC	31,751	14.4	3.7	604
VNM	85.8	3,059,450	-5	TIÊU CỰC	179,318	19.0	5.8	263
VPB	35.7	17,001,916	-3	TRUNG TÍNH	158,703	12.8	2.5	607
VRE	28.1	8,592,320	-7	TIÊU CỰC	63,852	29.5	2.1	241

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

"Cơ khủng hoảng chưa qua đi": biến thể Omicron có thể sẽ giáng một đòn mạnh vào chuỗi cung ứng

Từ đầu năm 2021, các công ty và cảng biển đã phải chiến đấu với cuộc khủng hoảng chuỗi cung ứng toàn cầu. Vào thời điểm cuộc khủng hoảng có vẻ đã ổn định trở lại, thế giới phải đối mặt với một đòn trời giáng khác: biến thể Omicron.

Chưa có báo cáo nào về việc biến thể Omicron xuất hiện ở Trung Quốc. "Trung Quốc sẽ thắt chặt chính sách zero-Covid, bao gồm việc đóng cửa hàng loạt các thành phố, thực thi kiểm dịch, kiểm tra nghiêm ngặt tại các cảng gồm giám sát tàu và hàng hoá để ngăn chặn biến thể mới", Per Hong cho biết.

"Nếu điều này xảy ra, không chỉ việc vận chuyển bị hạn chế mà chúng ta chắc chắn sẽ chứng kiến sự thiếu hụt nhiều hơn đối với các nguyên liệu, linh kiện quan trọng và lượng đơn hàng tồn đọng kéo dài đối với các sản phẩm điện tử, ô tô và tiêu dùng cốt lõi, tùy thuộc vào khu vực bị phong tỏa".

Các cảng bận rộn nhất thế giới đều nằm ở Trung Quốc. Trong 10 cảng bận rộn nhất, có 7 cảng ở Trung Quốc, theo Hội đồng Vận tải Thế giới. Thượng Hải đứng đầu, Ning Ba – Shoushan đứng thứ 3 và Thâm Quyển đứng thứ 4.

OPEC+ duy trì kế hoạch tăng sản lượng bất chấp biến thể Omicron

Sau thông tin này, giá dầu thô tham chiếu – Brent – giảm hơn 1 USD, nhưng nhanh chóng hồi phục trở lại để giao dịch quanh mức 70 USD/thùng. Ở mức này, giá dầu đang thấp hơn rất nhiều so với mức cao kỷ lục 3 năm chạm tới vào tháng 10 vừa qua, là trên 86 USD, nhưng vẫn cao hơn trên 30% so với hồi đầu năm.

Cuộc họp của OPEC+ là nhân tố chính chi phối thị trường dầu trong mấy phiên gần đây, trước những đồn đoán trái chiều về việc nhóm này có hay không tiếp tục kế hoạch nâng sản lượng như đã nhất trí từ trước, giữa bối cảnh xuất hiện virus biến thể Omicron và Mỹ cùng một số nước tiêu thụ dầu lớn gây áp lực bằng động thái xuất kho dầu dự trữ quốc gia.

Đó là lý do khiến giá mặt hàng này liên tục biến động mạnh trong phiên 2/12, giảm vào đầu phiên nhưng ổn định trở lại vào giữa phiên trước khi đảo chiều tăng về cuối phiên và kết thúc ngày tăng 1% so với phiên liền trước, biên độ dao động giá trong ngày là 5 USD.

Kết thúc phiên 2/12, giá dầu Brent tăng 80 US cent, tương đương 1,2%, lên 69,67 USD/thùng, trong phiên có lúc giá chạm mức thấp 65,72 USD, trong khi dầu ngọt nhẹ Mỹ (WTI) tăng 93 cent, tương đương 1,4%, lên 66,50 USD, sau khi có lúc giảm xuống mức 62,43 USD.

Cuộc họp của OPEC+ là sự kiện mới nhất trong một loạt các sự kiện khiến dầu thô lao dốc dữ dội trong thời gian gần đây, mất 24% trong ba tuần qua.

Bloomberg: Xu hướng dịch chuyển đơn hàng sẽ chỉ ngắn hạn, Việt Nam vẫn là điểm đến ưu tiên của các nhà đầu tư

Mới đây, Chủ tịch Eurocham Việt Nam, ông Alain Cany đã có buổi phỏng vấn với Bloomberg để chia sẻ về những khó khăn của các doanh nghiệp sản xuất khi phải đối mặt với việc thiếu nhân lực, cũng như những thông tin về biến thể Omicron.

Theo ông Alain Cany, Chủ tịch EuroCham Việt Nam, trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 10, Việt Nam đã trải qua một giai đoạn chống dịch vô cùng khó khăn, đặc biệt các địa phương ở khu vực phía Nam đã phải đối mặt với những đợt giãn cách kéo dài.

Điều này đã ảnh hưởng đến giao thương hàng hóa trong nước với quốc tế, và các thành viên trong EuroCham cũng không tránh khỏi một số khó khăn nhất định. Chưa kể, 3 tháng vừa qua cũng là khoảng thời gian cao điểm các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất, để phục vụ nhu cầu mua sắm mùa Giáng sinh của khách hàng.

Ông Alain cho hay, 20-30% số doanh nghiệp thành viên EuroCham đã phải chuyển các đơn đặt hàng, đặc biệt là các đơn hàng của những thương hiệu lớn sang các quốc gia khác, để đảm bảo rằng các đơn hàng có thể sản xuất kịp tiến độ. Tuy nhiên, ông nhận định, xu hướng này sẽ chỉ diễn ra trong ngắn hạn.

"Việt Nam đã kiểm soát tình hình dịch bệnh tương đối tốt trong khoảng thời gian vừa qua, tôi đảm bảo rằng, các doanh nghiệp châu Âu đang tự tin trở lại", Chủ tịch EuroCham nhấn mạnh.

Khi được hỏi về việc liệu Việt Nam có tăng cường việc siết chặt các quy định phòng dịch trước biến thể Covid-19 mới hay không, ông Alain cho biết, những thông tin về biến thể Omicron đang vô cùng khó đoán, không chỉ riêng Việt Nam mà các quốc gia khác cũng sẽ gặp thách thức khi biến thể Covid-19 mới xuất hiện.

10 địa phương có tốc độ tăng/giảm IIP nhiều nhất: TP. HCM ghi nhận giảm sâu nhất, Ninh Thuận đạt tốc độ tăng cao nhất cả nước

Sản xuất công nghiệp trong tháng 11 tiếp tục khởi sắc, khi các địa phương trên cả nước thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 11/2021 ước tính tăng 5,5% so với tháng trước và tăng 5,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng năm 2021, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Xét theo địa phương, nhìn chung, hoạt động sản xuất tại các tỉnh thành như Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Bình Dương, Đồng Nai, TP. HCM, Hà Nội... đã có những chuyển biến tích cực.

Trong đó, chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 11 của Quảng Ninh ước tăng 19,17%; Thanh Hóa tăng 15,1%; Quảng Ngãi tăng 16,11%; Thừa Thiên Huế tăng 9,12%; Cần Thơ tăng 6,77%; Đồng Nai tăng 6,9%... đã góp phần vào sự phục hồi sản xuất công nghiệp của cả nước.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 11 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 47 địa phương và giảm ở 16 địa phương trên cả nước.

Cụ thể, Ninh Thuận đứng đầu cả nước với tốc độ tăng IIP 11 tháng năm 2021 đạt 26,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Theo sau đó là Đắk Lắk, Gia Lai, Hải Phòng, Thanh Hóa... với tốc độ lần lượt là 26,3%; 18,8%; 18,5% và 16,5%.

Trong khi đó, 11 tháng năm 2021, TP. HCM ghi nhận tốc độ giảm IIP lớn nhất, giảm khoảng 15,5% so với cùng kỳ năm 2020. Đứng thứ 2 là Trà Vinh với tốc độ giảm 12% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp theo là Cần Thơ, Cao Bằng, Sơn La, Đồng Tháp... với tốc độ giảm lần lượt là 10,4%; 9,9%, 9,1% và 8,7%.

Thứ trưởng Trần Quốc Phương: 5 nhóm giải pháp đảm bảo đủ mạnh để phục hồi phát triển kinh tế

Trao đổi với phóng viên về tiến độ xây dựng Chương trình phục hồi phát triển kinh tế tại phiên họp báo Chính phủ thường kỳ tháng 11 tối ngày 2/12, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Quốc Phương cho biết:

5 nhóm giải pháp trong Chương trình phục hồi phát triển kinh tế giai đoạn 2022-2023 cơ bản bao quát được tất cả các lĩnh vực cần được hỗ trợ cũng như mấu chốt của nền

kinh tế. Vì vậy, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng, 5 nhóm giải pháp này đảm bảo đủ mạnh để kinh tế phục hồi và phát triển.

Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế giai đoạn 2022-2023 có 5 nhóm chính sách được đề xuất. Đó là, nhóm phòng chống dịch bệnh và công tác y tế; trong đó, đề cập tới việc cung ứng vaccine, biện pháp phòng chống dịch bệnh, xét nghiệm, cách ly, điều trị... Tất cả giải pháp này đều cần tới kinh phí và đây là điều kiện tiên quyết để thực hiện các gói giải pháp khác.

Nhóm thứ hai là giải pháp an sinh xã hội thể hiện quan điểm của Đảng và Nhà nước là vừa phát triển kinh tế gắn liền với đảm bảo đời sống an sinh xã hội. Nhóm giải pháp này được nghiên cứu, mở rộng thêm nhiều đối tượng bị ảnh hưởng như công nhân trong các khu công nghiệp với các giải pháp phát triển nhà ở xã hội và nhà ở công nhân; cho vay ưu đãi với đối tượng như học sinh sinh viên, cơ sở giáo dục mầm non...

Nhóm 3 là giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, tập trung chủ yếu về giải pháp về tài khóa như giãn, hoãn, giảm thuế, phí, lệ phí đã được thực hiện trong thời gian qua sẽ được nghiên cứu rà soát và tiếp tục thực hiện. Đồng thời, triển khai chính sách tiền tệ, cho vay ưu đãi thông qua công cụ hỗ trợ lãi suất, có nguồn lực hỗ trợ cho doanh nghiệp phục hồi.

Nhóm 4 là đẩy mạnh đầu tư công và nhóm này có ý nghĩa kép là vừa kích thích chi tiêu đầu tư công tức thời và có ý nghĩa lâu dài là tạo ra kết cấu hạ tầng hiệu quả cho nền kinh tế. Nhóm 5 là giải pháp về quản lý điều hành, bảo đảm cân đối vĩ mô, kiểm soát lạm phát, kiểm soát rủi ro.

Hai quỹ đang đàm phán rót 1 tỷ USD vào VinFast

Mới đây, hãng tin Reuters đưa tin Tập đoàn Vingroup - CTCP (mã: VIC) đang đàm phán với các nhà đầu tư về việc huy động khoảng 1 tỷ USD vốn chủ sở hữu cho VinFast - công ty con trong lĩnh vực xe hơi của mình.

Thương vụ được thực hiện trong bối cảnh VinFast vừa giới thiệu hai mẫu xe điện mới tại triển lãm Los Angeles Auto Show 2021, đánh dấu những bước tiến mới trong tham vọng vươn ra thế giới.

Các đối tác tiềm năng bao gồm quỹ đầu tư quốc gia Qatar (QIA) và BlackRock. Trong đó, BlackRock là tập đoàn quản lý tài sản lớn nhất thế giới với quy mô gần 9.500 tỷ USD. Quỹ đầu tư quốc gia Qatar quản lý khoảng 300 tỷ USD và thời gian gần đây đang đa dạng hóa danh mục từ khu vực truyền thống là Mỹ và châu Âu sang châu Á.

Tập đoàn GELEX cơ bản hoàn tất quá trình tái cấu trúc sở hữu vốn

Tiếp nối thành công của hoạt động tái cấu trúc sở hữu vốn trong mảng thiết bị điện, Tập đoàn GELEX đã cơ bản hoàn thành quá trình tái cấu trúc, sắp xếp sở hữu vốn trong mảng hạ tầng. Một số kết quả nổi bật của quá trình tái cấu trúc này như:

Toàn bộ cổ phiếu Tổng công ty Viglacera – CTCP (mã chứng khoán VGC) thuộc sở hữu của GELEX và Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX (GELEX Electric) đã được chuyển sang Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX (Hạ tầng GELEX) tập trung sở hữu và quản lý theo phương thức Hạ tầng GELEX nhận góp vốn bằng cổ phiếu VGC.

Nhóm một số các công ty phát điện từ Hạ tầng GELEX được chuyển sang cho GELEX Electric quản trị và vận hành.

GELEX Electric hoàn tất tăng vốn điều lệ công ty, trong đó thu hút một số cổ đông chiến lược gắn bó lợi ích lâu dài với công ty và hỗ trợ công ty trong các mặt về quản trị, nhân lực, thị trường, ...

Sau khi hoàn tất tái cấu trúc, GELEX vẫn tiếp tục sở hữu chi phối hai sub-holdings:

GELEX Electric (vốn điều lệ 3.000 tỷ đồng) chuyên về sản xuất công nghiệp (chủ yếu là công nghiệp điện), sở hữu chi phối vốn đầu tư vào các doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực thiết bị điện như CADIVI, THIBIDI, EMIC, HEM, CFT, MEE, ... và một số doanh nghiệp nhóm nguồn phát điện. Dự kiến vào cuối quý IV/2021 – đầu quý I/2022, GELEX Electric hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch trên UpCom nhằm tuân thủ quy định pháp luật chứng khoán khi đủ điều kiện trở thành công ty đại chúng đồng thời qua đó tăng cường minh bạch trong việc quản trị điều hành công ty và đem lại các giá trị cao hơn nữa cho các cổ đông.

Hạ tầng GELEX (vốn điều lệ 7.900 tỷ đồng) chuyên đầu tư và kinh doanh vào mảng hạ tầng (bất động sản khu công nghiệp, bất động sản thương mại, điện, nước sạch, ...). Hạ tầng GELEX cũng đang lên kế hoạch đại chúng hóa và tiến hành niêm yết hoặc đăng ký giao dịch UpCom trong năm 2022 trên cơ sở Tập đoàn GELEX vẫn nắm giữ tỷ lệ chi phối đồng thời tạo nguồn lực tài chính để thực hiện các mục tiêu đầu tư chiến lược.

DPG tăng mạnh, Đạt Phương dùng 19 triệu cp đảm bảo phát hành trái phiếu

CTCP Đạt Phương (Mã: DPG) mới đây đã phát hành 3.000 trái phiếu mệnh giá 100 triệu đồng/tp cho một quỹ chứng khoán, hai công ty bảo hiểm và một nhà đầu tư cá nhân trong nước. Tổng số tiền thu được là 300 tỷ đồng dự kiến dùng để bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh và đầu tư cho các dự án của doanh nghiệp.

Trái phiếu có lãi suất danh nghĩa năm đầu 10,5%/năm, từ năm thứ hai lãi suất tham chiếu thêm 3,5%/năm nhưng không thấp hơn 10,5%/năm, lợi suất đầu tư 9,4%/năm, kỳ hạn thanh toán lãi 6 tháng/lần.

Kỳ hạn trái phiếu là 36 tháng, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có tài sản đảm bảo là 19 triệu cổ phần đang lưu hành của Đạt Phương. Diễn biến trong những tháng gần đây, cổ phiếu DPG tăng giá mạnh theo sóng cổ phiếu bất động sản.

Masan Group chốt tỷ lệ cổ tức tiền mặt 12%, dự kiến phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 5:1

Ngày 3/12, CTCP Tập đoàn Masan (mã MSN) thông báo tăng cổ tức tiền mặt cho năm tài chính 2021 thêm 20%, thành 1.200 đồng/cổ phiếu, tương ứng với mức tăng thêm 200 đồng/ cổ phiếu.

Ngày 16/7 các cổ đông đã nhận cổ tức 950 đồng/cp và dự kiến cuối tháng 12/2021 các cổ đông sẽ nhận phần cổ tức còn lại là 250 đồng/cp. Cùng với việc tăng cổ tức tiền mặt, Hội đồng quản trị Masan cũng đã thông qua việc xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 5:1 cho các cổ đông hiện hữu tính tại ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ phiếu thưởng.

Thông cáo từ Masan cho biết việc tăng cổ tức và phát hành cổ phiếu thưởng là một phần trong kế hoạch của Ban lãnh đạo Masan nhằm gia tăng giá trị cho cổ đông, đồng thời hướng đến hoàn thành mục tiêu trung hạn của bảng cân đối kế toán.

“Năm 2021, bảng cân đối kế toán của Masan đã được củng cố đáng kể. Việc phát hành cổ phiếu thưởng cũng được kỳ vọng sẽ mang lại lợi ích cho cổ đông qua việc cải thiện tính thanh khoản, cùng với thành công của nền tảng tiêu dùng sẽ tiếp tục được hiện thực hóa và gia tăng giá trị đáng kể cho cổ đông”, Masan nhận định.

Năm 2022, Masan đã vạch ra kế hoạch sơ bộ mở rộng quy mô chuỗi WinMart+ thêm 700 -1.000 điểm bán, nâng tổng số siêu thị mini lên 3.300 – 3.600 điểm trước cuối năm 2022. Masan cũng có kế hoạch chuyển đổi ít nhất 50% điểm bán WinMart+ thành các cửa hàng theo mô hình mini-mall.

Đông Hải Bến Tre (DHC) muốn nâng cổ tức lên 50%, dự kiến đầu tư công ty sản xuất giấy vốn 1.000 tỷ

Hội đồng quản trị CTCP Đông Hải Bến Tre (Dohaco - Mã: DHC) vừa công bố quyết nghị lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh 2021. Ngày đăng ký cuối cùng là 29/11. Ngày tổng hợp ý kiến cổ đông dự kiến vào 16/12 tới.

Cụ thể, doanh thu thuần mục tiêu đạt 3.800 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 450 tỷ đồng, lần lượt tăng 8,5% và gần 13% so với kế hoạch ban đầu.

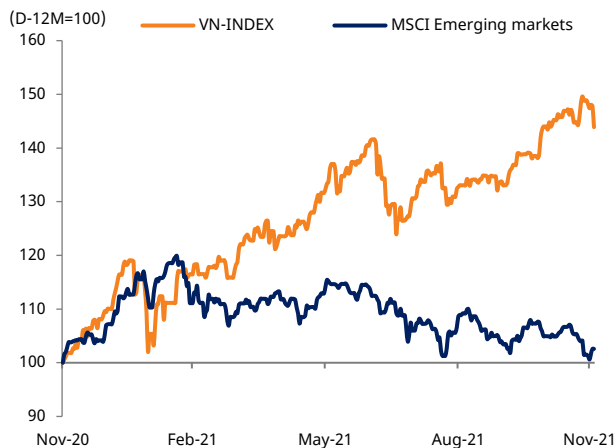
Còn nếu so với kết quả năm ngoái, hai chỉ tiêu điều chỉnh mới tương ứng tăng 32% về doanh thu và 15% về lợi nhuận.

Bên cạnh đó, công ty cũng dự kiến nâng tỷ lệ cổ tức cho cổ đông từ 35% lên 50% bằng cổ phiếu hoặc tiền mặt, và tương đương với thực hiện năm ngoái.

Ngoài ra, công ty muốn trình cổ đông kế hoạch đầu tư công ty sản xuất giấy với vốn đầu tư 1.000 tỷ đồng, trong đó, Dohaco sẽ nắm trên 95% vốn điều lệ. Dự án bắt đầu triển khai từ năm 2022, thời gian xây dựng dự kiến ba năm và dự kiến hoàn thành vào năm 2025.

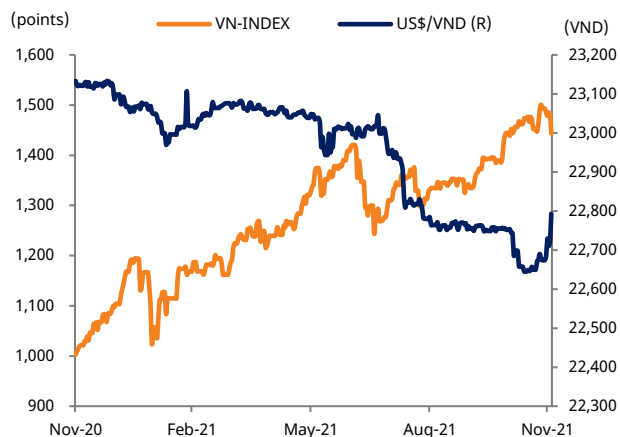
Trước đó cổ đông đã thông qua kế hoạch đầu tư CTCP Bao bì Đông Hải với tổng vốn 250 tỷ đồng. Dự kiến hoạt động chính thức năm 2024.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



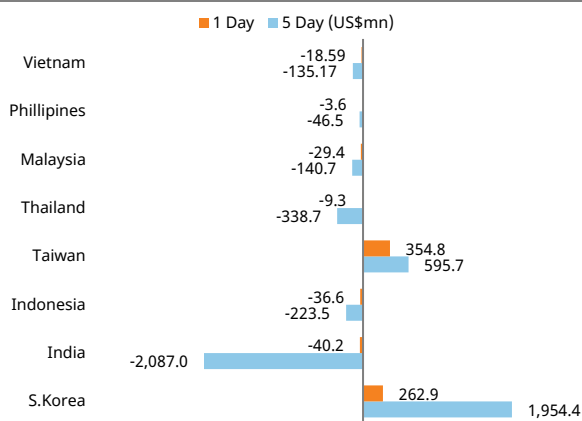
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



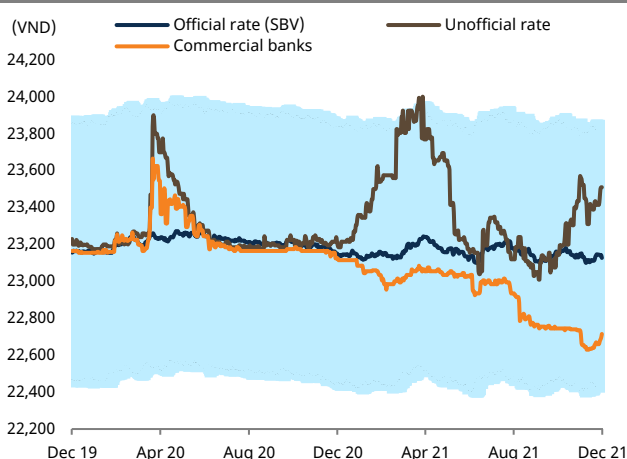
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



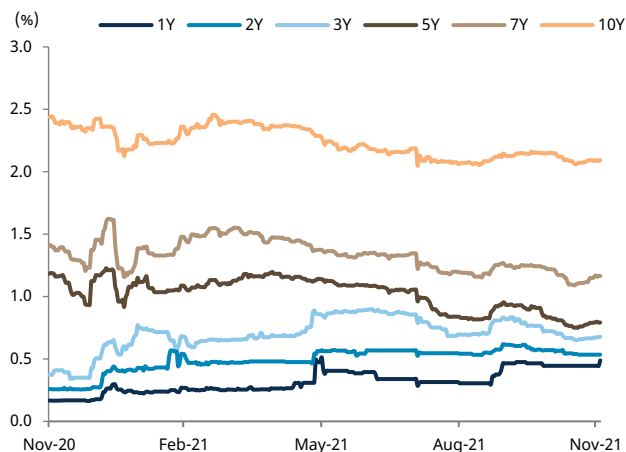
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



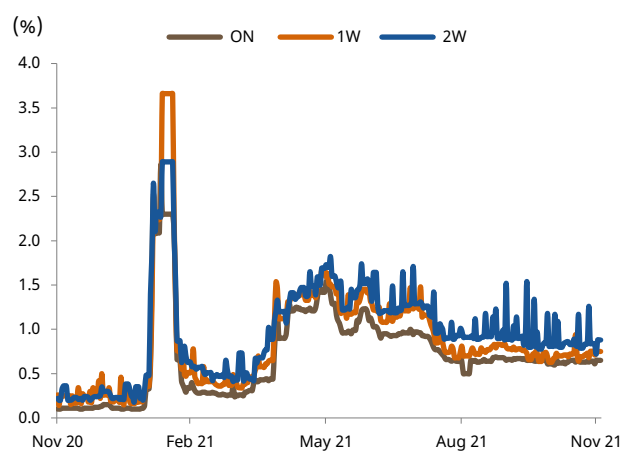
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,503.98	4,005,973		-2.4	-4.0	-1.7	52.6	13.8	11.9	2.6	2.2	41.3	15.7	22.6	20.1
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	32,550	87,948	30.0	-2.0	-5.9	-3.8	49.0	9.1	7.1	1.9	1.5	26.8	29.5	24.0	24.3
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	42,000	168,925	16.7	-5.0	-7.6	-2.4	1.0	18.4	13.9	2.1	1.8	57.9	32.4	13.5	16.1
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	57,800	42,906	26.4	-4.6	-7.1	-9.0	2.5	23.2	19.5	2.0	1.8	15.6	19.0	9.1	10.1
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	33,000	158,590	25.3	-2.4	-3.8	0.0	26.0	12.1	8.8	1.6	1.4	-4.6	38.4	16.3	19.6
CTCP FPT	FPT VN	95,500	86,663	49.0	-1.7	-3.4	-0.6	97.5	20.3	16.9	4.5	4.2	31.2	20.6	24.2	25.5
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	96,600	184,888	2.8	-1.8	-5.3	-19.5	14.3	19.7	15.4	3.7	3.4	21.6	27.7	19.3	22.0
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	36,500	146,000	0.6	-5.6	-1.2	-7.1	94.7	31.9	28.9	NA	NA	125.3	10.2	9.4	9.9
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	HDB VN	31,000	61,758	17.2	-1.6	-1.1	14.0	77.8	10.8	9.7	2.1	1.7	36.9	11.3	21.1	19.4
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	47,700	213,358	24.4	-1.9	-2.8	-14.2	74.7	5.6	6.5	2.2	1.7	198.2	-13.9	42.8	29.9
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	46,050	29,607	31.5	-0.5	-0.6	-2.4	87.3	26.6	18.8	NA	2.6	-7.7	41.9	13.8	15.4
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	28,300	106,927	23.2	-2.7	-6.6	-2.9	83.6	8.9	7.5	1.7	1.4	44.6	19.5	21.7	21.7
Tập đoàn Masan	MSN VN	151,000	178,261	32.2	-0.7	-4.1	3.8	81.1	38.7	27.7	8.1	6.3	28,449.3	39.9	31.6	23.1
CTCP Thế giới di động	MWG VN	133,500	95,163	49.0	-2.6	-5.7	3.6	74.6	20.8	15.0	4.8	3.8	11.4	38.4	26.6	28.0
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	111,000	163,570	8.1	-2.9	0.3	5.5	152.2	39.1	25.2	4.5	3.9	-528.6	55.2	19.2	13.7
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	94,900	46,764	3.3	0.1	-0.9	1.5	168.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	53,300	67,723	17.2	-4.0	-6.2	0.6	5.3	19.6	16.4	2.9	2.8	326.8	19.9	15.6	17.2
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	94,000	21,372	47.5	-3.5	-7.4	-10.0	21.3	22.9	15.6	3.8	3.2	-4.6	46.8	18.3	23.3
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	13,550	31,732	3.0	-4.2	0.0	7.5	18.9	17.8	13.4	1.0	0.9	-23.8	33.1	7.4	7.7
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	157,000	100,681	62.7	-1.3	-2.0	-9.0	-19.5	28.9	23.3	4.5	3.9	-23.8	24.2	17.6	19.4
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	50,500	49,609	38.8	-6.5	-5.6	21.1	278.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	28,000	52,786	17.3	-4.4	-9.2	0.4	78.9	17.0	12.8	1.5	1.4	37.1	33.2	10.5	12.1
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	50,200	176,248	22.5	-2.9	-7.0	-6.5	100.8	10.3	8.7	1.9	1.6	38.8	18.6	20.8	19.8
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	47,000	55,069	29.5	-2.9	-1.1	6.3	116.6	11.6	9.5	2.2	1.7	18.9	22.2	21.2	20.2
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	98,000	363,470	23.6	-1.1	-6.7	-0.7	4.8	17.5	14.5	3.1	2.6	25.2	21.1	20.2	20.3
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	80,200	349,220	23.1	-2.6	-3.7	-3.3	22.8	9.7	8.5	2.8	2.2	142.4	13.5	31.6	27.4
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	105,500	401,450	13.5	-1.6	7.1	10.7	12.2	132.5	149.9	4.2	4.2	-116.6	-11.6	3.4	3.0
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	120,400	65,210	16.8	0.0	-7.0	-7.2	1.3	NA	33.7	NA	NA	-27.1	-495.1	0.4	16.2
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	85,800	179,318	54.5	-1.8	-2.8	-2.7	-21.6	18.4	17.2	5.4	5.1	-2.3	6.7	32.9	33.2
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	35,700	158,703	15.2	-3.5	-8.9	-7.0	127.1	12.6	10.7	1.8	1.6	19.6	17.8	17.9	16.0
CTCP Vincom Retail	VRE VN	28,100	63,852	29.7	-5.2	-7.6	-11.4	-1.1	33.9	23.1	2.1	1.9	-20.8	46.5	6.2	8.5

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	-49.71	5,767,628	-2.6	-3.3	-0.1	41.5	17.1	13.5	2.7	2.3	31.8	26.6	18.9	18.9
Ô tô và phụ tùng	-0.03	9,809	-1.8	-1.1	4.4	56.2	7.7	6.3	1.4	1.2	20.7	22.4	10.6	11.6
Ngân hàng	-31.25	1,709,528	-2.6	-6.5	-1.1	46.4	12.3	10.0	2.0	1.7	31.7	22.9	17.8	18.0
Xây dựng cơ bản	0.02	292,865	-3.6	0.3	19.3	134.2	9.9	7.9	0.4	0.4	12.7	27.7	7.4	7.8
Dịch vụ thương mại	0.03	5,763	-1.3	2.1	8.3	27.3	12.0	8.2	NA	NA	-7.8	45.5	8.0	11.2
May mặc và trang sức	-0.60	50,147	-1.7	-4.2	-1.3	85.9	15.4	11.4	2.4	2.0	21.3	34.5	14.2	16.8
Dịch vụ tiêu dùng	-0.03	9,369	-2.1	-1.5	-0.2	34.2	NA	20.4	NA	NA	NA	NA	-8.8	2.6
Dịch vụ tài chính	-3.67	185,917	-6.3	-6.7	16.8	281.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Năng lượng	-1.30	90,513	-4.2	-5.2	-1.3	24.1	36.2	16.0	2.4	2.3	NA	92.2	13.0	14.8
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-4.20	588,230	-1.6	-2.5	1.8	25.9	23.9	18.7	5.0	4.2	NA	11.2	23.6	21.2
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.09	4,410	-1.8	8.2	39.0	37.5	11.1	14.6	NA	NA	40.4	-23.7	12.0	10.1
Hàng cá nhân và gia dụng	-0.01	1,662	-0.2	-1.3	-7.1	-5.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.89	53,783	-4.1	-6.0	-7.7	13.6	20.5	17.3	1.8	1.6	19.9	18.7	8.2	9.2
Nguyên vật liệu	-3.31	549,836	-3.3	-2.2	-7.0	102.2	13.6	12.8	1.4	1.1	NA	0.6	26.0	20.1
Giải trí và truyền thông	-0.01	1,480	0.5	-1.8	2.4	-23.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.67	40,352	-1.6	-2.9	8.8	90.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	2.31	1,319,457	3.1	7.4	7.1	24.8	11.1	9.4	1.5	1.4	4.1	18.6	9.4	9.9
Bán lẻ	-1.23	108,092	-2.4	1.0	4.2	58.8	51.5	53.7	2.8	2.6	-6.5	6.4	13.5	11.9
Phần mềm và dịch vụ	-0.93	94,029	-2.1	-4.0	4.9	76.0	19.8	14.6	4.4	3.5	43.1	38.0	24.1	25.4
Thiết bị và phần cứng	-0.25	10,926	-1.7	-3.6	-0.9	98.7	18.7	15.5	4.1	3.8	31.9	21.0	22.3	23.5
Dịch vụ viễn thông	-0.05	2,072	-3.4	-8.1	12.4	227.0	20.4	14.9	6.7	4.9	95.3	36.8	35.4	34.8
Vận tải	-2.24	195,394	-3.9	-7.9	-13.6	400.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-3.00	283,975	-0.9	-4.2	-2.1	40.6	7.8	14.3	0.5	0.5	29.1	NA	-274.8	33.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	105,500	7.1	5,415,920	6.9
DHG VN	116,700	17.3	99,980	0.6
VGC VN	51,000	8.5	2,603,300	0.5
KBC VN	51,100	5.9	9,574,860	0.4
DXG VN	31,100	8.7	15,004,020	0.4
HAG VN	8,800	22.2	30,401,020	0.4
CRE VN	36,000	20.8	2,502,840	0.3
HDC VN	103,500	13.1	621,340	0.3
ITA VN	13,000	7.4	25,546,080	0.2
TCD VN	25,100	20.5	1,105,952	0.2

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	98,000	-6.7	864,520	-6.7
VPB VN	35,700	-8.9	19,750,900	-4.0
BID VN	42,000	-7.6	2,224,940	-3.6
VHM VN	80,200	-3.7	7,413,480	-3.5
TCB VN	50,200	-7.0	17,722,540	-3.5
GAS VN	96,600	-5.3	1,154,460	-2.7
MSN VN	151,000	-4.1	1,274,620	-2.0
MBB VN	28,300	-6.6	13,604,320	-2.0
CTG VN	33,000	-3.8	10,319,700	-1.6
HPG VN	47,700	-2.8	18,463,280	-1.6

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.